

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 28/4/2022*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Nguyễn Thị Minh Thi

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST – HS ngày 15/4/2022 đối với bị cáo:

Trần Văn T – Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1962; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đoàn thể: Không; Con ông: Trần Văn T (Đã chết); Con bà: Bùi Thị H; Vợ: Nguyễn Thị H (Đã ly hôn) và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2022 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

*** Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị Đ – Sinh năm: 1976 - Trú tại: Thôn B, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh Lê Văn N - Sinh năm 1989 - Trú tại: Thôn B, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 15 tháng 11 năm 2021, Trần Văn T đi cùng với anh Lê Văn N đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Đ để mua bia. Sau khi mua 12 lon bia thì anh N và T ngồi ở bàn ghế tại sảnh cửa hàng cùng với chị Đ. Khi ngồi với T và anh N tại bàn, chị Đ đã bỏ 01 chiếc điện thoại hiệu Sam Sung A7 của chị Đ ở trên mặt bàn ngay trước vị trí ngồi của chị Đ. Khoảng 30 phút sau, do có khách đến mua hàng nên chị Đ đi vào cửa hàng để bán hàng cho khách, khi vào bán hàng chị Đ không đưa điện thoại vào, mà vẫn để tại bàn. Lúc này, T và anh N cũng đứng dậy đi về, anh N đứng dậy đi ra trước, còn T đi sau. Khi T ra về thì tay trái cầm điện thoại của T, thấy trên bàn có chiếc điện thoại của chị Đ nên T đã quan sát xung quanh không có ai để ý nên T đã dùng tay phải lấy chiếc điện thoại Sam Sung A7 đang để trên bàn tại vị trí ngồi lúc đầu của chị Đ, bỏ vào túi quần bên phải của T và đi ra ngoài cổng, ngồi lên xe mô tô do anh N điều khiển đi đến nhà người quen của anh N ở bản Vều để uống rượu. Quá trình T lấy điện thoại của chị Đ, anh N đã đi ra trước và không biết T lấy điện thoại của chị Đ. Sau khi bán hàng cho khách xong thì chị Đ ra bàn để lấy điện thoại nhưng không thấy, chị Đ đã kiểm tra qua camera thì thấy người lấy điện thoại của chị là Trần Văn T. Nên chị Đ đã liên lạc với anh N và T yêu cầu T mang điện thoại đến trả nhưng T vẫn không mang đến trả. Đến khoảng 18 giờ, cùng ngày, chị Đ trình báo sự việc đến công an xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 19 giờ 30 phút, T mới mang chiếc điện thoại trên đến nhà trả cho chị Đ, Công an xã P đã yêu cầu những người liên quan về trụ sở lập hồ sơ sự việc và chuyển hồ sơ vụ việc lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A, tỉnh Nghệ An giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ do Trần Văn T giao nộp: 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung loại A7, màu xanh đen.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành trưng cầu Hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A Đ giá 01 điện thoại Sam Sung A7.

Tại kết luận Đ giá tài sản số 21/KL-ĐG ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, xác Đ: 01 điện thoại hiệu Sam Sung A7 có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, Trần Văn T đã khai nhận: Ngày 15/11/2021, T đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị Đ 01 điện thoại hiệu Sam Sung. Lời khai của Trần Văn T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS - HS ngày 07/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy Đ tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết Đ truy tố đối với bị cáo Trần Văn T.

Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: Khoản 1 điều 173; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Trần Văn T từ 06 - 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 11/3/2022.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Tại phiên toà bị cáo thống nhất như quan điểm của Viện kiểm sát và không có ai tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo nói: Bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi bị cáo đã gây ra, mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN Đ CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết Đ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều thực hiện đúng pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trần Văn T khai nhận:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 15/11/2021, tại cửa hàng tạp hoá của chị Nguyễn Thị Đ thuộc thôn B, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An, Trần Văn T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Đ 01 chiếc điện thoại hiệu Sam Sung A7. Giá trị chiếc điện thoại hiệu Sam Sung A7 tại thời điểm T trộm cắp của chị Đ là: 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Tang vật thu giữ: 01 chiếc điện thoại hiệu Sam Sung A7.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, tang vật thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Đ 01 chiếc điện thoại hiệu Sam Sung A7.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy Đ tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là đúng pháp luật.

Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại không lớn cho xã hội nhưng đã làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an,

an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng trong việc bảo quản tài sản. Hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần xét xử nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện.

Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, động cơ, mục đích là nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để thu lợi bất chính, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân T của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; trong quá trình bị cáo bị truy nã do bị cáo bỏ trốn, bị cáo đã đến cơ quan có thẩm quyền để đầu thú. Bên cạnh đó, tài sản bị cáo trộm cắp được sau khi bị phát hiện bị cáo đã giao nộp lại cho cơ quan Công an và đã trả lại cho người bị hại. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy Đ tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho Cơ quan điều tra, vụ án bị kéo dài. Vì vậy, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nữa là cần thiết để bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội đã gây ra và sau khi chấp hành án trở về địa phương luôn chấp hành tốt pháp luật, trở thành công dân lương thiện có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng, thu nhập phụ thuộc vào mùa vụ, bị cáo không có tài sản riêng gì nên cần miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra chị Đ không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện A, tỉnh Nghệ An đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Đ 01 chiếc điện thoại hiệu Sam Sung A7 là đúng quy Đ của pháp luật..

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT Đ:

*** Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/3/2022.

*** Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Văn T.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/QH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo; Người bị hại.
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

